TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-03-2018
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thiện Kế

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Lầu

Bà Lý Thị Sẫm

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 03 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2017/TLST-HNGĐ ngày 24/5/2017, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Quách Thị Thu T, sinh năm 1981. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông C, sinh năm 1956. (vắng mặt)

Địa chỉ: lộ Q, khóm K, phường T, TP. B, huyện Đ, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Quách Thị Thu T khởi kiện ngày 8-5-2017 trình bày:* Bà và ông C có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 155 ngày 24-9-2010. Ông bà chung sống và kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Khoảng tháng 10/2014, ông C bị bệnh thì bà T có sang Đài Loan để chăm sóc. Trong thời gian bà T chăm sóc chồng thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, quan điểm sống, tính tình không hợp. Và con gái của chồng đuổi bà T ra ngoài đường ngủ một đêm dưới hiên nhà hàng xóm và còn đánh đập bà. Nên từ tháng 11/2014 bà T về Việt Nam sống thì ông C không liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống của bà và con, cũng không chu cấp về tài chính để nuôi con, từ đó bà và ông C không còn liên lạc nữa.

Bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, không thể hàn gắn tình cảm được, nên quyết định xin ly hôn với ông C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng ông bà có một con chung tên Chiang Triệu D, sinh ngày 31-5-2010. Hiện cháu D đang sống với bà T ở địa chỉ ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, sức khỏe cháu rất tốt.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Yêu cầu:

1- Về hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông C.

2- Về con chung: Bà T xin được nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là Chiang Triệu D đến trưởng thành, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

3- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn ông C:* Đến nay Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng không nhận được văn bản trả lời hợp pháp từ ông C theo quy định.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân cho bà T ly hôn với ông C, con chung giao cho cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, không yêu cầu ông C cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và trong vụ án có bị đơn ông C hiện ở địa chỉ: lộ Q, khóm K, phường T, TP. B, huyện Đ, Đài Loan, nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định tại Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Quách Thị Thu T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ngày 6-3-2018. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[3] Đối với bị đơn ông C: Sau khi Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quách Thị Thu T. Ngày 30-6-2017, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã tiến hành ủy thác tư pháp cho Bộ Tư pháp yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 62/TB-TLVA ngày 24 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đến ông C. Trong đó thông báo cho ông C biết việc Tòa án sẽ mở phiên họp hòa giải, kiểm tra chứng cứ vào các ngày 02-01-2018 và 24-01-2018; Tòa án sẽ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án vào các ngày 5-3-2018 và 28-3-2018 (bút lục số 29-40). Ngày 30-8-2017, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 1001/CH-BTP gửi đến Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân tỉnh

Sóc Trăng đến ông C (bút lục số 42-43). Ngày 26-12-2017, Bộ Tư pháp có Công văn số 3726/BTP-PLQT thông báo Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp đến ông C ngày 31-10-2017 bằng phương thức gửi hồ sơ ủy thác đến Đồn công an (45-50). Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có nhận được văn bản Thư phản hồi ngày 7-8-2017 (bút lục số 51-57) và văn bản gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng ngày 26-02-2018 đề tên người gửi là C. Xét thấy, các văn bản trên do ông C lập ở nước ngoài nhưng không được công chứng, chứng thực hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam cũng như theo quy định của pháp luật nước ngoài và được hợp pháp hóa lãnh sự. Căn cứ Khoản 2 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không công nhận Thư phản hồi ngày 7-8-2017 (bút lục số 51-57) và văn bản gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng ngày 26-02-2018 đề tên C lập gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

[4] Xét thấy, Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định đến bị đơn ông C, nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản trả lời hợp pháp từ ông C và tại phiên tòa hôm nay ông C cũng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông C.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quách Thị Thu T, nhận thấy:

[6] Bà Quách Thị Thu T và ông C đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16-8-2010, vào Sổ đăng ký kết hôn số 155 quyển số 1 ngày 24-9-2010 (bút lục số 20). Nên có đủ cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa bà Quách Thị Thu T và ông C được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[7] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn bà T, ông C chung sống nhưng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ngôn ngữ, tính tình không hợp. Tháng 10/2014 bà T sang Đài Loan chăm sóc chồng, nhưng đến tháng 11/2014 bà T đã về Việt Nam sống thì ông C cũng không còn liên lạc và không chu cấp để nuôi dưỡng con cho đến nay. Và hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa. Như vậy, cho thấy cuộc sống vợ chồng của bà Quách Thị Thu T và ông C không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự đã không còn, tương lai không thể hàn gắn được, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người. Do đó bà Quách Thị Thu T xin ly hôn với ông C là có căn cứ theo quy định tại các Điều 19, Điều 51, Điều 54 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về con chung: Bà Quách Thị Thu T và ông C có một con chung tên Chiang Triệu D, sinh ngày 31-5-2010, hiện cháu đang sống với bà T ở địa chỉ ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Nhận thấy, ngày 02-01-2018 cháu Chiang Triệu D đã đủ 07 tuổi, tại Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng cháu trình bày ý kiến từ nhỏ cháu đã sống với mẹ và mong muốn được tiếp tục sống với mẹ, cháu không đồng ý sống với cha (bút lục số 58). Qua Tòa án xác minh ở địa phương nơi hiện cháu Chiang Triệu D và mẹ là bà Quách Thị Thu T đang sinh sống về nguyên nhân dẫn đến việc phát sinh tranh chấp thì được biết là do ông C hay ghen, từ khi ông C bỏ về Đài Loan sinh sống thì không thấy trở về thăm vợ con và cháu Chiang Triệu D hiện sống với mẹ cho đến nay (bút lục số 59). Xét thấy, ông C hiện không trực tiếp chăm lo việc học tập, giáo dục để cháu Chiang Triệu D phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức. Mà hiện cháu Chiang Triệu D đang

sống cùng mẹ, cháu đang được đi học, phát triển tốt và cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ, bà T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu Chiang Triệu D, sinh ngày 31-5-2010 cho bà Quách Thị Thu T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Quách Thị Thu T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[10] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Quách Thị Thu T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự của Việt Nam ra nước ngoài số tiền 200.000đ: Nguyên đơn bà Quách Thị Thu T phải chịu theo quy định tại Khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 31 Điều 153, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 479, Khoản 2 Điều 478, Khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 54, Khoản 1 Điều 56 và Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quách Thị Thu T:

1.1 Về hôn nhân: Bà Quách Thị Thu T được ly hôn với ông C.

1.2 Về con chung: Bà Quách Thị Thu T được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Chiang Triệu D (sinh ngày 31-5-2010) cho đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Bà Quách Thị Thu T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Quách Thị Thu T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0007669 ngày 22-5-2017 do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng phát hành. Như vậy bà Quách Thị Thu T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3/ Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự của Việt Nam ra nước ngoài số tiền 200.000đ nguyên đơn bà Quách Thị Thu T phải chịu, được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp là 200.000đ theo biên lai thu tiền số 004976 ngày 03-7-2017 do Cục Thi hành án

dân sự tỉnh Sóc Trăng phát hành. Như vậy bà Quách Thị Thu T đã nộp đủ chi phí thực hiện ủy thác tư pháp.

Báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai) để Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thiện Kế